

Số: 25 /QĐ-CCTK

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025
cho các đơn vị thuộc Chi cục Thống kê thành phố Hà Nội

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về bổ sung, sửa đổi một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-BTC ngày 05/3/2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thống kê thành phố Hà Nội là cơ quan Thống kê nhà nước cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1528/QĐ-BTC ngày 28/4/2025 của Bộ Tài chính quy định về phân công, phân cấp công tác tổ chức, cán bộ tại Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-CTK ngày 13/5/2025 của Cục trưởng Cục Thống kê về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh dự toán năm 2025 của các đơn vị dự toán thuộc Chi cục Thống kê thành phố Hà Nội (Chi tiết theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính, Kế toán trưởng và Trưởng các đơn vị thuộc Chi cục Thống kê Thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Phòng TH (để đăng tin);
- Lưu: VT, KT.



Vũ Văn Tấn

Phụ lục I

NGUYÊN TẮC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CỦA CHI CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*(Kèm theo Quyết định số 25 /QĐ-CCTK ngày 16 /5/2025 của Chi cục Thống kê
thành phố Hà Nội)*

1. Điều chỉnh giảm dự toán của các đơn vị dự toán thuộc Chi cục theo tổ chức bộ máy cũ, điều chỉnh tăng dự toán cho các đơn vị thuộc Chi cục theo sắp xếp bộ máy mới.
2. Đối với các đơn vị không có sát nhập hoặc hợp nhất chỉ thay đổi tên đơn vị: thực hiện điều chỉnh giảm dự toán theo tên cũ, điều chỉnh tăng dự toán theo tên mới.

PHỤ LỤC II

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CHO CÁC ĐƠN VỊ THUỘC

CHI CỤC THỐNG KÊ TP HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-CCTK ngày 16 tháng 5 năm 2025)

STT	NỘI DUNG	QB điều chỉnh số 538/QĐ-CTK ngày 13/5/2025)	Trong đó					Đội Thống kê số 2
			Cơ quan Cục Thống kê	Cơ quan Chi cục Thống kê	Chi cục TK Q. Đình	Đội Thống kê số 1	Chi cục TK Q. Hoàn Kiếm	
			Mã QHNS: 1058764	Mã QHNS: 1058764	Mã QHNS: 1045748	Mã QHNS: 1045748	Mã QHNS: 1045660	Mã QHNS: 1045660
I	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		(100,890,580,000)	100,890,580,000				
	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ		(140,000,000)	140,000,000				
	Đào tạo lại (Loại 070-085)		(140,000,000)	140,000,000				
	Kinh phí không thường xuyên		(140,000,000)	140,000,000				
II	Kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức		(140,000,000)	140,000,000				
	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (Loại 340-341)		(100,750,580,000)	100,750,580,000				
	Kinh phí thực hiện tự chủ	-	(37,672,830,000)	37,672,830,000	(459,630,000)	459,630,000	(426,070,000)	426,070,000
	Quỹ tiền lương biên chế	-	(29,301,410,000)	29,301,410,000	(425,880,000)	425,880,000	(392,320,000)	392,320,000
1.1	Chi thường xuyên theo định mức	-	(8,371,420,000)	8,371,420,000	(33,750,000)	33,750,000	(33,750,000)	33,750,000
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-	(63,077,750,000)	63,077,750,000	(190,500,000)	190,500,000	(192,750,000)	192,750,000
2	Quỹ tiền thường theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	-	(2,314,000,000)	2,314,000,000	-	-	-	-
2.1	Kinh phí điều tra thường xuyên	-	(25,750,750,000)	25,750,750,000	(190,500,000)	190,500,000	(192,750,000)	192,750,000
2.2	Kinh phí Tổng điều tra Nông thôn, nông nghiệp	-	(35,013,000,000)	35,013,000,000	-	-	-	-
2.3								

PHỤ LỤC II

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CHO CÁC ĐƠN VỊ THUỘC

CHI CỤC THỐNG KÊ TP HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-CCTK ngày 16 tháng 5 năm 2025)

STT	NỘI DUNG	QĐ điều chỉnh số 538/QĐ-CTK ngày 13/5/2025)	Trong đó						Chi cục TK Q. Tây Hồ	Đội Thống kê số 3	Chi cục TK Q. Long Biên	Đội Thống kê số 4	Chi cục TK Q. Cầu Giấy	Đội Thống kê số 5	Chi cục TK Q. Đống Đa
			Mã QHNS: 1045658	Mã QHNS: 1045658	Mã QHNS: 1045047	Mã QHNS: 1045656	Mã QHNS: 1045656	Mã QHNS: 1045656							Mã QHNS: 1045657
I	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC														
	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ														
	Đào tạo lại (Loại 070-085)														
	Kinh phí không thường xuyên														
	Kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức														
II	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (Loại 340-341)														
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-	(480,270,000)	480,270,000	(432,780,000)	432,780,000	(439,800,000)	439,800,000	(548,890,000)						
1.1	Quỹ tiền lương biên chế	-	(446,520,000)	446,520,000	(392,010,000)	392,010,000	(406,050,000)	406,050,000	(508,390,000)						
1.2	Chi thường xuyên theo định mức	-	(33,750,000)	33,750,000	(40,770,000)	40,770,000	(33,750,000)	33,750,000	(40,500,000)						
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-	(154,000,000)	154,000,000	(201,250,000)	201,250,000	(206,000,000)	206,000,000	(232,750,000)						
2.1	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	-	-	-	-	-	-	-	-						
2.2	Kinh phí điều tra thường xuyên	-	(154,000,000)	154,000,000	(201,250,000)	201,250,000	(206,000,000)	206,000,000	(232,750,000)						
2.3	Kinh phí Tổng điều tra Nông thôn, nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-						

PHỤ LỤC II

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CHO CÁC ĐƠN VỊ THUỘC

CHI CỤC THỐNG KÊ TP HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-CCTK ngày 16 tháng 5 năm 2025)

STT	NỘI DUNG	QĐ điều chỉnh số 538/QĐ-CTK ngày 13/5/2025)	Trong đó						
			Đội Thống kê số 6	Chi cục TK Q. Hai Bà Trưng	Đội Thống kê số 7	Chi cục TK Q. Hoàng Mai	Đội Thống kê số 8	Chi cục TK Q. Thanh Xuân	Đội Thống kê số 9
			Mã QHNS:1045657	Mã QHNS:1045659	Mã QHNS:1045659	Mã QHNS:1045045	Mã QHNS:1045045	Mã QHNS:1045052	Mã QHNS:1045052
I	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC								
	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ								
	Đào tạo lại (Loại 070-085)								
	Kinh phí không thường xuyên								
	Kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức								
II	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (Loại 340-341)								
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-	548,890,000	(538,760,000)	538,760,000	(522,430,000)	522,430,000	(430,200,000)	430,200,000
1.1	Quỹ tiền lương biên chế	-	508,390,000	(498,260,000)	498,260,000	(481,930,000)	481,930,000	(396,450,000)	396,450,000
1.2	Chi thường xuyên theo định mức	-	40,500,000	(40,500,000)	40,500,000	(40,500,000)	40,500,000	(33,750,000)	33,750,000
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-	232,750,000	(207,000,000)	207,000,000	(222,250,000)	222,250,000	(234,000,000)	234,000,000
2.1	Quỹ tiền thường theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Kinh phí điều tra thường xuyên	-	232,750,000	(207,000,000)	207,000,000	(222,250,000)	222,250,000	(234,000,000)	234,000,000
2.3	Kinh phí Tổng điều tra Nông thôn, nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-

PHỤ LỤC II

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CHO CÁC ĐƠN VỊ THUỘC

CHI CỤC THỐNG KÊ TP HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-CCTK ngày 16 tháng 5 năm 2025)

STT	NỘI DUNG	QĐ điều chỉnh số 538/QĐ-CTK ngày 13/5/2025)	Chi cục TK H. Sóc Sơn Mã QHNS:1045046	Đội Thống kê số 10 Mã QHNS:1045046	Chi cục TK H. Đông Anh Mã QHNS:1044951	Đội Thống kê số 11 Mã QHNS:1044951	Chi cục TK H. Gia Lâm Mã QHNS:1044954	Đội Thống kê số 12 Mã QHNS:1044954	Chi cục TK H. Nam Từ Liêm Mã QHNS:1044953
I	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC								
	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ								
	Đào tạo lại (Loại 070-085)								
	Kinh phí không thường xuyên								
	Kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức								
II	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (Loại 340-341)								
I	Kinh phí thực hiện tự chủ		(504,550,000)	504,550,000	(512,650,000)	512,650,000	(447,000,000)	447,000,000	(460,530,000)
1.1	Quỹ tiền lương biên chế	-	(464,050,000)	464,050,000	(472,150,000)	472,150,000	(413,250,000)	413,250,000	(426,780,000)
1.2	Chi thường xuyên theo định mức	-	(40,500,000)	40,500,000	(40,500,000)	40,500,000	(33,750,000)	33,750,000	(33,750,000)
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-	(186,250,000)	186,250,000	(229,250,000)	229,250,000	(143,000,000)	143,000,000	(211,000,000)
2.1	Quỹ tiền thường theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Kinh phí điều tra thường xuyên	-	(186,250,000)	186,250,000	(229,250,000)	229,250,000	(143,000,000)	143,000,000	(211,000,000)
2.3	Kinh phí Tổng điều tra Nông thôn, nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-

PHỤ LỤC II

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CHO CÁC ĐƠN VỊ THUỘC CHI CỤC THỐNG KÊ TP HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-CCTK ngày 16 tháng 5 năm 2025)

STT	NỘI DUNG	QĐ điều chỉnh số 538/QĐ-CTK ngày 13/5/2025)	Chi cục TK H. Bắc Từ Liêm Mã QHNS:1120012	Đội Thống kê số 13 Mã QHNS:1120012	Chi cục TK H. Thanh Trì Mã QHNS:1044952	Đội Thống kê số 14 Mã QHNS:1044952	Chi cục TK H. Mê Linh Mã QHNS:1083891	Đội Thống kê số 15 Mã QHNS:1083891	Chi cục TK Q. Hà Đông Mã QHNS:1056928
I	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC								
	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ								
	Đào tạo lại (Loại 070-085)								
	Kinh phí không thường xuyên								
	Kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức								
II	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (Loại 340-341)								
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-	(445,470,000)	906,000,000	(439,880,000)	439,880,000	(420,850,000)	420,850,000	(503,330,000)
1.1	Quỹ tiền lương biên chế	-	(411,720,000)	838,500,000	(406,130,000)	406,130,000	(387,100,000)	387,100,000	(455,810,000)
1.2	Chi thường xuyên theo định mức	-	(33,750,000)	67,500,000	(33,750,000)	33,750,000	(33,750,000)	33,750,000	(47,520,000)
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-	(154,500,000)	365,500,000	(193,500,000)	193,500,000	(145,000,000)	145,000,000	(227,750,000)
2.1	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Kinh phí điều tra thường xuyên	-	(154,500,000)	365,500,000	(193,500,000)	193,500,000	(145,000,000)	145,000,000	(227,750,000)
2.3	Kinh phí Tổng điều tra Nông thôn, nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-

PHỤ LỤC II

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CHO CÁC ĐƠN VỊ THUỘC

CHI CỤC THỐNG KÊ TP HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-CCTK ngày 16 tháng 5 năm 2025)

STT	NỘI DUNG	QĐ điều chỉnh số 538/QĐ-CTK ngày 13/5/2025)	Đội Thống kê số 16	Chi cục TK TX. Sơn Tây	Chi cục TK H. Phúc Thọ	Đội Thống kê số 17	Chi cục TK H. Ba Vì	Đội Thống kê số 18	Chi cục TK H.Đan Phượng
			Mã QHNS: 1056928	Mã QHNS: 1056929	Mã QHNS: 1056962	Mã QHNS: 1056929	Mã QHNS: 1056930	Mã QHNS: 1056930	Mã QHNS: 1056963
I	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC								
	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ								
	Đào tạo lại (Loại 070-085)								
	Kinh phí không thường xuyên								
	Kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức								
II	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (Loại 340-341)								
I	Kinh phí thực hiện tự chủ								
1.1	Quỹ tiền lương biên chế	-	503,330,000	(441,160,000)	(395,740,000)	836,900,000	(466,690,000)	466,690,000	(441,750,000)
1.2	Chi thường xuyên theo định mức	-	455,810,000	(407,410,000)	(361,990,000)	769,400,000	(426,190,000)	426,190,000	(408,000,000)
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-	47,520,000	(33,750,000)	(33,750,000)	67,500,000	(40,500,000)	40,500,000	(33,750,000)
2.1	Quỹ tiền thường theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	-	227,750,000	(74,250,000)	(120,250,000)	194,500,000	(175,750,000)	175,750,000	(108,750,000)
2.2	Kinh phí điều tra thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Kinh phí Tổng điều tra Nông thôn, nông nghiệp	-	227,750,000	(74,250,000)	(120,250,000)	194,500,000	(175,750,000)	175,750,000	(108,750,000)
			-	-	-	-	-	-	-

PHỤ LỤC II

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CHO CÁC ĐƠN VỊ THUỘC

CHI CỤC THỐNG KÊ TP HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-CCTK ngày 16 tháng 5 năm 2025)

STT	NỘI DUNG	QĐ điều chỉnh số 538/QĐ-CTK ngày 13/5/2025)	Trong đó						
			Đội Thống kê số 19	Chi cục TK H. Hoài Đức	Đội Thống kê số 20	Chi cục TK H. Quốc Oai	Đội Thống kê số 21	Chi cục TK H. Thạch Thất	Đội Thống kê số 22
			Mã QHNS:1056963	Mã QHNS:1056996	Mã QHNS:1056996	Mã QHNS:1056935	Mã QHNS:1056935	Mã QHNS:1056934	Mã QHNS:1056934
I	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC								
	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ								
	Đào tạo lại (Loại 070-085)								
	Kinh phí không thường xuyên								
	Kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức								
II	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (Loại 340-341)								
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-	441,750,000	(441,200,000)	441,200,000	(435,470,000)	435,470,000	(434,350,000)	434,350,000
1.1	Quỹ tiền lương biên chế	-	408,000,000	(407,450,000)	407,450,000	(401,720,000)	401,720,000	(393,850,000)	393,850,000
1.2	Chi thường xuyên theo định mức	-	33,750,000	(33,750,000)	33,750,000	(33,750,000)	33,750,000	(40,500,000)	40,500,000
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-	108,750,000	(154,250,000)	154,250,000	(104,000,000)	104,000,000	(132,000,000)	132,000,000
2.1	Quỹ tiền thường theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Kinh phí điều tra thường xuyên	-	108,750,000	(154,250,000)	154,250,000	(104,000,000)	104,000,000	(132,000,000)	132,000,000
2.3	Kinh phí Tổng điều tra Nông thôn, nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-

PHỤ LỤC II

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CHO CÁC ĐƠN VỊ THUỘC CHI CỤC THỐNG KÊ TP HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-CCTK ngày 16 tháng 5 năm 2025)

STT	NỘI DUNG	QĐ điều chỉnh số 538/QĐ-CTK ngày 13/5/2025)	Trong đó				Đội Thống kê số 25
			Chi cục TK H. Chương Mỹ	Đội Thống kê số 23	Chi cục TK H. Thanh Oai	Đội Thống kê số 24	Chi cục TK H. Thường Tín
			Mã QHNS: 1056936	Mã QHNS: 1056936	Mã QHNS: 1056937	Mã QHNS: 1056937	Mã QHNS: 1056931
I	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ						
	Đào tạo lại (Loại 070-085)						
	Kinh phí không thường xuyên						
	Kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức						
II	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (Loại 340-341)						
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-	(504,100,000)	504,100,000	(505,270,000)	505,270,000	(397,330,000)
1.1	Quỹ tiền lương biên chế	-	(456,580,000)	456,580,000	(464,770,000)	464,770,000	(363,580,000)
1.2	Chi thường xuyên theo định mức	-	(47,520,000)	47,520,000	(40,500,000)	40,500,000	(33,750,000)
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-	(209,250,000)	209,250,000	(121,250,000)	121,250,000	(165,250,000)
2.1	Quỹ tiền thường theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	-	-	-	-	-	-
2.2	Kinh phí điều tra thường xuyên	-	(209,250,000)	209,250,000	(121,250,000)	121,250,000	(165,250,000)
2.3	Kinh phí Tổng tra Nông thôn, nông nghiệp	-	-	-	-	-	-

PHỤ LỤC II

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CHO CÁC ĐƠN VỊ THUỘC

CHI CỤC THỐNG KÊ TP HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-CCTK ngày 16 tháng 5 năm 2025)

STT	NỘI DUNG	QĐ điều chỉnh số 538/QĐ-CTK ngày 13/5/2025)	Trong đó					
			Chi cục TK H. Phú Xuyên Mã QHNS:1056995	Đội Thống kê số 26 Mã QHNS:1056995	Chi cục TK H. Ứng Hòa Mã QHNS:1056994	Đội Thống kê số 27 Mã QHNS:1056994	Chi cục TK H. Mỹ Đức Mã QHNS:1056932	Đội Thống kê số 28 Mã QHNS:1056932
I	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC							
	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ							
	Đào tạo lại (Loại 070-085)							
	Kinh phí không thường xuyên							
	Kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức							
II	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (Loại 340-341)							
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-	(415,220,000)	415,220,000	(451,900,000)	451,900,000	(505,900,000)	505,900,000
1.1	Quỹ tiền lương biên chế	-	(374,450,000)	374,450,000	(411,400,000)	411,400,000	(465,400,000)	465,400,000
1.2	Chi thường xuyên theo định mức	-	(40,770,000)	40,770,000	(40,500,000)	40,500,000	(40,500,000)	40,500,000
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-	(133,500,000)	133,500,000	(106,750,000)	106,750,000	(84,250,000)	84,250,000
2.1	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Kinh phí điều tra thường xuyên	-	(133,500,000)	133,500,000	(106,750,000)	106,750,000	(84,250,000)	84,250,000
2.3	Kinh phí Tổng điều tra Nông thôn, nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-

